

**Swimming Official Training Course 2024 (A)  
Practical Session Roster**

S/N	Name	Chinese Name	Club	VPSP					HKSI			
				2/2 PM	3/2 AM	3/2 PM	4/2 AM	4/2 PM	13/4 AM	13/4 PM	14/4 AM	14/4 PM
				1715	0815	1315	0815	1315	0815	1445	0815	1445
1	Lam Wai Lok	林偉樂	TPS					✓	✓	✓	✓	✓
5	Ng Yan Kin	吳欣鍵	HTA	✓	✓				✓		✓	✓
6	Fan Ming Fai Herman	范銘輝	#TL	✓	✓	✓	✓	✓				
7	Liang Haolin	梁皓琳	-	✓					✓	✓	✓	✓
8	Leung Mei Yi	梁美兒	-	✓	✓	✓	✓	✓				
9	Yeung Siu Hang	楊兆亨	EBC					✓	✓	✓	✓	✓
10	Ng Tsoi Tung	伍采彤	EBC		✓	✓			✓	✓	✓	
11	Tam Yee Man	譚依文	EBC				✓		✓	✓	✓	✓
12	Chen GuanXi	陳冠希	EBC			✓			✓	✓	✓	✓
14	Liu Mong Chun	廖夢珍	-	✓	✓	✓	✓	✓				
15	Kwok Sze Chun	郭思俊	-				✓		✓		✓	✓
16	Zang Yanpeng	臧延鵬	-		✓	✓	✓	✓	✓			
17	Chung Hei Ching	鍾曦澄	-	✓	✓	✓	✓	✓				
18	Cheung Chor Lun Charling	張礎麟	-	✓	✓	✓	✓	✓				
19	Law Ki Cheung	羅麒祥	#TL	✓					✓	✓	✓	✓
20	Wang Shu	王舒	HVA	✓					✓	✓	✓	✓
21	Wen Zhi Bin	聞志彬	HVA		✓				✓	✓	✓	✓
22	Zou Sheng Ling	鄒勝玲	HVA		✓	✓	✓	✓			✓	
23	Chow Choi Yin	周彩燕	-		✓	✓	✓	✓	✓			
24	Liu Kai Hong Gilda	劉佳航	-		✓	✓			✓	✓	✓	
25	Chau Kwong Yung	周廣融	HVA		✓	✓	✓	✓			✓	
27	Lee Kin Chung	李健聰	-				✓		✓	✓	✓	✓
29	Chak Yiu Wah	翟耀華	JHC	✓	✓	✓	✓	✓				
30	Lee Hoi Yan	李愷欣	CYM	✓					✓	✓	✓	✓
31	Chio Yi Lan	仇藝嵐	DWA	✓	✓	✓	✓	✓				
32	Tang Hon Man	鄧翰文	DWA				✓	✓		✓	✓	✓
33	Cheung Tsz Nok	張子諾	DWA	✓	✓	✓	✓	✓				
34	Wong Suet Wing	王雪詠	DWA			✓	✓	✓			✓	✓
36	Cheung Ngai Chung	張毅聰	-	✓	✓	✓	✓	✓				
37	Pang Hei Ting	彭希婷	THS				✓		✓	✓	✓	✓
38	Lam Pui San	林佩珊	THS			✓			✓	✓	✓	✓
39	Li Hang Sum	李恒森	THS				✓		✓	✓	✓	✓
40	Leung Ka Yi	梁嘉怡	THS				✓		✓	✓	✓	✓
41	So Kin Tsun Roydon	蘇建榛	DLS	✓					✓	✓	✓	✓
42	Tsoi Hei Ching Kelly	蔡滄晴	CYM	✓					✓	✓	✓	✓
44	Cheung Wai Yin Alvin	張煒彥	*MS	✓	✓	✓	✓	✓				
45	Yin YiJun	尹貽君	HVA				✓	✓		✓	✓	✓
46	Tai Kwan Yee	戴君兒	-	✓					✓	✓	✓	✓
47	Tung Kam Yin	董鑑賢	-	✓	✓	✓	✓	✓				
48	Mui Sin Lai	梅仙麗	-	✓	✓	✓			✓	✓		
49	Fu Mei Lin	傅美蓮	-	✓	✓	✓	✓	✓				
50	Choi Shan Shan	蔡珊珊	SFC	✓	✓	✓	✓	✓				
51	Yau Chung Kiu	邱頌喬	SYS		✓	✓			✓	✓		✓
52	Wong Janis	黃摠瑋	HVA	✓	✓	✓	✓	✓				
53	Woo Yan Ling Bella	胡恩綾	HVA	✓	✓	✓	✓	✓				
54	Lo Chi Yui	盧智睿	-	✓	✓	✓	✓	✓				
55	Fung Long Hei	馮朗希	DWA	✓	✓	✓	✓	✓				
56	Chan Chin Chun Micky	陳展駿	KTS					✓	✓	✓	✓	✓
57	Lee Park Lin	李柏年	KTS	✓	✓	✓	✓	✓				
58	Shum Wing Yan	岑穎欣	KTS		✓				✓	✓	✓	✓
59	Kwong Chun Tat	鄺俊達	HMA	✓	✓	✓	✓	✓				
60	Wong Kylie Ka Yuet	王珈悅	THS			✓			✓	✓	✓	✓
61	Au Yeung Tsz Ching	歐陽芷政	THS			✓			✓	✓	✓	✓
62	Hung Man Chung	洪民充	CRS			✓			✓	✓	✓	✓
63	Hung Siu Ching Dickson	洪肇鈺	CRS			✓			✓	✓	✓	✓
64	Shum Ka Chung	岑嘉聰	CRS			✓			✓	✓	✓	✓
65	Mou Pak Hin	繆柏軒	CRS	✓					✓	✓	✓	✓
66	Chan Chi Sing	陳智昇	CRS	✓					✓	✓	✓	✓
67	Lam Pak Wai	林柏緯	CRS	✓					✓	✓	✓	✓
68	Yeung Chun Lai	楊俊禮	CRS	✓	✓	✓	✓	✓				
69	Cheung Sai Hung Steven	張世雄	CRS	✓	✓	✓	✓	✓				
70	Siu Ka Hang	蕭加行	CRS		✓				✓	✓	✓	✓

**Swimming Official Training Course 2024 (A)  
Practical Session Roster**

S/N	Name	Chinese Name	Club	VPSP					HKSI			
				2/2 PM	3/2 AM	3/2 PM	4/2 AM	4/2 PM	13/4 AM	13/4 PM	14/4 AM	14/4 PM
				1715	0815	1315	0815	1315	0815	1445	0815	1445
71	Ngai Cheuk Kei Natalie	魏倬姬	CRS					✓	✓	✓	✓	✓
72	Ma Wing Sum	馬穎琛	CRS						✓	✓	✓	✓
73	Leung Tsz Chun	梁梓俊	-	✓	✓	✓	✓	✓				
74	Lam Ka Man	林嘉雯	-	✓	✓	✓	✓	✓				
75	Lui Sze Man	呂詩敏	-	✓					✓	✓	✓	✓
76	Suen Wai Cheong	孫為倡	CRS		✓				✓	✓	✓	✓
77	Lai Tsz Yin	黎子彥	-				✓	✓				
78	Lee Mei Ling	李美玲	-		✓	✓						
79	Ma Kai Yeung	馬啟揚	PSC				✓	✓				
80	Ng Yan Yi	吳欣兒	DLS				✓	✓				
81	Chung Wan Lam Vivian	鍾韻琳	-				✓	✓				
82	Chung Wan Ying Wannie	鍾韻盈	-				✓	✓				